TAND HUYỆN CẨM THỦY **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05/9/2024
Về việc: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY - TỈNH THANH HÓA

Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Ngọc Hoàng và bà Trịnh Thị Khanh

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vân - Thư ký TAND huyện Cẩm Thủy

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Cẩm Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05tháng 9 năm 2024,Tại Hội trường xét xử TAND huyện Cẩm Thủy, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 57/2024/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 về việc "Ly hôn và nuôi con chung". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXX-ST ngày 22 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST ngày 08 tháng 8 năm 2024.

Giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T - Sinh năm 1984

HKTT: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T1 - Sinh năm 1982

HKTT: Thôn C, xã C, huyện C, tỉnhThanh Hóa.

(Triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày: Chị và anh T1 tìm hiểu tự nguyện và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 3 năm 2009 tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hòa thuận. Đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn dovợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Từ tháng 5 năm 2012 anh T1 đi làm ăn xa và không quan tâm đến vợ con, cũng từ đó cho đến nay vợ chồng sống ly thân.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên chị làm đơn xin ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có hai con chung là Phạm Thị Ngọc T2 - Sinh ngày 31/8/2009 và Phạm Văn D - Sinh ngày 18/5/2012.

Chịđề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡngcả hai cháu Phạm Thị Ngọc T2 và Phạm Văn D đến tuổi thành niên vì lâu nay các cháu đang ở ổn định với chị. Chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn: Tại thời điểm chị T làm đơn xin ly hôn thìanh T1 không có mặt ở nhà. Anh T1 đi làm ăn xa thỉnh thoảng vẫn về nhà ở thôn C, xã C, huyện C. Anh T1 vẫn liên lạc về cho chị gái là chị Phạm Thị T3 ở thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Tòa án đã xác minh và làm việc với chị T3, chị xác nhận: Vợ chồng anh T1 và chị T mâu thuẫn từ lâu và đã sống ly thân từ năm 2012. Anh T1 đi làm ăn xa, ít khi liên lạc về cho chị. Năm 2023 chị có bảo anh T1 là nếu vợ chồng không ở được với nhau thì làm thủ tục ly hôn, anh T1 có nói lại là vợ chồng không hợp nhau, không sống cùng nhau được nữa.

Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho chị T3 và đề nghị chị T3 thông báo cho anh T1 được biết nhưng chị T3 từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Khoảng ngày 19 Tháng 7 năm 2024, anh T1 có liên lạc về cho chị và chị đã thông tin cho anh T1 biết về việc Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy đang thụ lý vụ án ly hôn giữa anh T1 và chị T, đồng thời Tòa án đã làm việc với chị để xác minh về vụ việc.

Tòa án cũng đã phối hợp với thôn C, UBND xã C để tiến hành xác minh và niêm yết các văn bản tố tụng. Tuy nhiên anh T1 vẫn cố tình không đến Tòa để làm việc và cung cấp địa chỉ cụ thể.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh và niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh T1 gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn được thông báo về việc thụ lý, giải quyết vụ án nhưng không có mặt để giải quyết là tự nguyện từ bỏ quyền, không thực hiện nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147,điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS; Các điều 51,56, 57,81,82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27

Nghị quyết 326/201/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Q hộiquy định về án phí lệ phí Tòa án. Đề nghị xử cho chị T được ly hôn anh T1; Giao hai cháu là Phạm Thị Ngọc T2 - Sinh ngày 31/8/2009 và Phạm Văn D - Sinh ngày 18/5/2012 chochị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị T không yêu cầu anhTùng cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào các quy định của pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Vũ Thị T làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn là anh Phạm Văn T1 có hộ khẩu thường trú tại: Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về "Ly hôn và nuôi con chung" được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Anh T1 hiện tại không có mặt tại địa phương. Quyết định xét xử và giấy triệu tập của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy và Quyết định hoãn phiên tòa đã được tống đạt theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh T1 theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Chị T và anh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N tỉnh Thanh Hóa nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Trong quá trình chung sống chị T và anh T1 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay.Vì vậy cần áp dụng khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Phạm Văn T1 là phù hợp.

[5] Về con chung: Chị Vũ Thị T và anh Phạm Văn T1 có 02 con chung là là Phạm Thị Ngọc T2 - Sinh ngày 31/8/2009 và Phạm Văn D - Sinh ngày 18/5/2012.

Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con đến tuổi thành niên. Cả hai cháu Phạm Thị Ngọc T2 và Phạm Văn D cũng có đơn nguyện vọng xin được ở với mẹ.

Xét nguyện vọng của chị T là chính đáng và phù hợp vì từ năm 2012 đến nay haicháu Phạm Thị Ngọc T2 và Phạm Văn D đang ở ổn định với chị, còn anh T1 không quan tâm gì đến các cháu.Vì vậy giao cả hai cháu Phạm Ngọc T2 và Phạm Văn D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên việc cấp dưỡng nuôi con chung sẽ do anh T1 tự nguyện thực

hiện.

[6]Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 điều 147,điểm bkhoản 2 điều 227, khoản 3 Điều 228BLTTDS;Điều 51,56, 57,81,82 và 83Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/201/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Q hộiquy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Vũ Thị T.

Xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Phạm Văn T1.

Về con chung: Giao hai cháu Phạm Thị Ngọc T2 - Sinh ngày 31/8/2009 và Phạm Văn D - Sinh ngày 18/5/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh T1 tự nguyện thực hiện.

Anh T1 có quyền nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của các con, các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đồng án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị đã nộp theo biên lai thu số 000987ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cẩm Thủy. Chị T đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đoncó quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự (Để thi hành);
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Cẩm Thuỷ;
- Ủy ban nhân dân xã ĐKKH;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Thuỷ;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Sơn